TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2021
"*Về việc ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Huệ
- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1964 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mương Đào B, xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 03/02/2021 nguyên đơn ông Trương Văn H trình bày và yêu cầu như sau:***

Ông H và bà T chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Trước đây cuộc sống vợ chồng khó khăn nhưng hạnh phúc, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sống không hợp nhau, bà T không quan tâm lo lắng gì đối với ông, thời gian năm 2019 thì ông phát hiện bà T không chung thủy với ông có lần ông phát hiện thì bà T năng nỉ, ông cũng thông cảm bỏ qua để về chung sống với ông nhưng không bao lâu thì tính

nào tật ấy bà T bỏ nhà đi còn thách thức kêu ông làm đơn ly hôn nhưng ông vẫn cố gắng nhẫn nhịn để duy trì tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả, nên xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T

- Về con chung: Ông H xác định có 03 đứa con chung, tên Trương Thị Kiều Tiên, sinh năm 1985 và Trương Văn Tân, sinh năm 2000, Trương Thị Kim Tuyến, sinh năm 2003. Hiện nay Kim Tuyến đang sống với bà T, 02 đứa lớn đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết. Khi ly hôn ông giao Kim Tuyến cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con cùng bà T.

- Về tài sản; về nợ chung: ông H xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Bị đơn bà T không ý kiến trình bày:***

**** Tại phiên tòa*:**

Ông Trương Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định đến thời điểm xét xử thì con ông tên Kim Tuyến đến tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được, cả 03 đứa con đã trưởng thành.

Bị đơn bà T vắng mặt đến lần thứ hai không lý do mặc dù đã được tống đạt Quyết định xét xử hợp lệ.

**** Kiểm sát viên phát biểu*:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định ông H và bà T chung sống với nhau năm 1984, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T, xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà T nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H cho ông được ly hôn với bà T theo quy định tại Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình 1986, (nay Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014).

- Về con chung: Ông H và bà T có 03 đua con chung, đặt tên Trương Thị Kiều Tiên, sinh năm 1985, Trương Văn Tân, sinh năm 2000 và Trương Thị Kim

Tuyến, sinh năm 2003, hiện nay các con của ông H đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được, tại phiên Tòa ông H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về tài sản: Ông H xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Ông H xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. ***Về tố tụng***: Sau khi Thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện An Minh thực hiện các thủ tục theo quy định, bà T vắng mặt nên được xác định là vụ án thuộc trường hợp những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt đến lần hai không lý do, ông H không yêu cầu hoãn phiên tòa nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bà T theo quy định khoản 1 Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Xét về quan hệ hôn nhân*: Ông H và bà T chung sống với nhau năm 1984, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông H khởi kiện xin ly hôn đối với bà T xét thấy, hôn nhân giữa ông H và bà T xác lập năm 1984 được pháp luật công nhận hôn nhân thực tế.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà T thấy rằng*; Tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cụ thể đó là, vợ chồng mà không ai quan tâm nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mỗi người có cuộc sống riêng thời gian dài nên ông H yêu cầu được ly hôn, nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H và ý kiến của Kiểm sát viên cho ông H được ly hôn với bà T theo quy định tại Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình 1986. (nay là Điều 56 luật hôn nhân gia đình 2014)

[4] *Về con chung*: Ông H và bà T có 03 đứa con chung, đặt tên Trương Thị Kiều Tiên, sinh năm 1985, Trương Văn Tân, sinh năm 2000 và Trương Thị Kim Tuyến, sinh năm 2003, hiện nay các con của ông H đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được, ông H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ chung*: Ông H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình 1986; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trương Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

[2]. *Về con chung*: Ông H và bà T có 03 đứa con chung, tên Trương Thị Kiều Tiên, sinh năm 1985, Trương Văn Tân, sinh năm 2000 và Trương Thị Kim Tuyến, sinh năm 2003, hiện nay các con của ông H đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được, ông H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ chung*: Ông H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm ly hôn:* 300.000đ ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà ông nộp theo biên lai số 0006270 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Ông H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/12/2021) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản chính của bản án này theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh.

Lê Mỹ Huê